

SỰ BIẾN ĐỔI VỊ THẾ KINH TẾ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

NGÔ THỊ NU^(*)

Từ xưa đến nay, người phụ nữ luôn có vai trò đặc biệt quan trọng, đảm nhiệm vai trò “kép”: vừa là lực lượng lao động cơ bản của xã hội, vừa có trách nhiệm trực tiếp tái sản xuất ra con người. Tuy nhiên, trong suốt thời kỳ lịch sử lâu dài, vị thế của người phụ nữ không được coi trọng và đánh giá đúng mức. Do đó, trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, việc quan tâm đến sự phát triển của phụ nữ nói chung, đến vị thế kinh tế của phụ nữ nói riêng không chỉ là vấn đề mang tính nhân văn và sự tiến bộ của xã hội, mà nó còn có ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến sự tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia.

Ngay từ thời xa xưa, đã tồn tại sự bất bình đẳng giữa nam và nữ trong đời sống xã hội, kinh tế và ngay trong các gia đình. Người phụ nữ thường được coi là hiển nhiên phải chịu trách nhiệm và thích hợp với việc chăm sóc con cái, gia đình, trong khi đó những công việc này hầu như không được xã hội nhìn nhận ở góc độ kinh tế, lao động của họ vì vậy cũng chỉ được xem là lao động gia đình, không được xem là lao động xã hội. Không

những thế, người phụ nữ Việt Nam ngay từ thời xa xưa đã phải tham gia các công việc nặng nhọc, trực tiếp lao động sản xuất..., cùng với người đàn ông trong gia đình nhằm duy trì cuộc sống, kiếm tiền nuôi bản thân và con cái. Thậm chí, nhiều phụ nữ còn phải đảm đương hết công việc của người đàn ông trong gia đình, là trụ cột chính trong việc nuôi cả gia đình, quyết định kinh tế của gia đình... Nhìn chung, người phụ nữ luôn phải song song đảm nhiệm cả công việc chăm sóc gia đình, con cái và cũng là lực lượng lao động chính trong gia đình nhưng họ vẫn luôn bị coi thường. Sự đánh giá thấp của xã hội về khả năng, giá trị lao động và địa vị kinh tế của người phụ nữ trong lao động sản xuất, trong kinh tế đã giam hãm người phụ nữ ở địa vị thấp kém trong gia đình và ngoài xã hội với tất cả những bất công và thiệt thòi. Bởi vậy, trong xã hội cũ, dù người phụ nữ có bỏ công sức lao động thế nào thì vẫn không được xã hội coi trọng và đánh giá đúng mức.

Bước sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, với sự đổi mới trong cách nhìn nhận, đánh giá và quan điểm bình đẳng giới đối với phụ nữ, đặc biệt trước nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

(*) ThS., Viện Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

thì vai trò, vị thế của người phụ nữ đã được thay đổi. Trong sự nghiệp đó, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt chú trọng đến việc phát huy vai trò và nâng cao vị thế của người phụ nữ. Đảng ta đã xác định: Bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp; theo đó, “Mục tiêu giải phóng phụ nữ hiện nay là thiết thực cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của chị em, nâng cao vị trí xã hội của phụ nữ, thực hiện tốt nam nữ bình đẳng...”⁽¹⁾; “Phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới”, phần đầu “Đến năm 2020, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học nữ có trình độ cao, cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”⁽²⁾.

Thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, hệ thống luật pháp, chính sách về phụ nữ ngày càng được hoàn thiện mà điển hình là sự ra đời của Luật bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực gia đình. Hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật này cùng với việc kiện toàn bộ máy quản lý Nhà nước về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam là cơ sở pháp lý quan trọng để nâng cao vị thế kinh tế của phụ nữ trong giai đoạn hiện nay. Việt Nam cũng là một trong số ít các quốc gia đã hoàn

⁽¹⁾ Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 12-7-1993 của Bộ Chính trị, Về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới.

⁽²⁾ Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27-4-2007 của Bộ Chính trị, Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

thành báo cáo về tình hình thực hiện Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW). Đặc biệt, hệ thống các ban *Vì sự tiến bộ của phụ nữ* đã được thành lập ở hầu khắp các tỉnh thành trong cả nước. Mạng lưới cán bộ tư vấn về giới hoạt động hiệu quả, hệ thống pháp luật bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ được tăng cường, Luật Bình đẳng giới chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2007. Nhờ vậy, phụ nữ Việt Nam có điều kiện không ngừng phát huy vai trò của mình, trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển chung của xã hội. Và từ đó, vị thế của người phụ nữ càng được khẳng định hơn bao giờ hết.

Sự thay đổi đó thể hiện không chỉ ở vị thế kinh tế của người phụ nữ trong gia đình mà còn ở vị trí và địa vị của họ trong xã hội dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hiện nay, phụ nữ chiếm khoảng 50,8% dân số và 48% lực lượng lao động xã hội và là lực lượng quan trọng của sự nghiệp đó. Phụ nữ có mặt trong tất cả các lĩnh vực hoạt động chiếm tỉ lệ cao trong các ngành giáo dục - đào tạo, thương mại, y tế - cứu trợ xã hội, nông - lâm nghiệp, công nghiệp chế biến... Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã mở ra nhiều cơ hội, nhưng cũng đặt ra nhiều những yêu cầu mới đòi hỏi con người Việt Nam nói chung và người phụ nữ Việt Nam nói riêng phải đáp ứng. Yêu cầu mới đòi hỏi ở mỗi người phụ nữ không chỉ là tài năng, trí tuệ mà còn là vấn đề sức khỏe về thể chất và tinh thần, không chỉ là năng lực làm việc mà còn là thái độ lao động, là tư tưởng tâm trạng thích hợp..

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã đem

lại một số lợi thế cho phụ nữ Việt Nam. Sự phát triển các khu công nghiệp, các doanh nghiệp có khả năng tạo ra nhiều việc làm mới, linh hoạt về không gian và thời gian. Nhiều lĩnh vực hoạt động xã hội, văn hóa, dịch vụ công cộng phù hợp với sở trường của phụ nữ. Nhiều ngành công nghiệp phát triển mạnh cần thu hút lực lượng lao động nữ với ưu thế về sự khéo léo và tỉ mỉ như tin học, điện tử, công nghệ thực phẩm, chế biến, may mặc, thương mại... Phụ nữ có điều kiện tham gia vào quá trình lao động sản xuất dựa trên công nghệ cao, hao tổn ít sức lực. Sự mở rộng dân chủ về kinh tế và tri thức, các tiến bộ của khoa học - kỹ thuật và dịch vụ gia đình tạo cơ hội cho phụ nữ không ngừng học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp. Khi năng suất lao động tăng, mức sống được nâng cao, phụ nữ không chỉ đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế mà còn đóng vai trò to lớn trong phát triển văn hóa của cộng đồng, địa vị chính trị - xã hội của phụ nữ được nâng lên. Các tiềm năng sáng tạo của phụ nữ được phát huy cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Cụ thể, trong lĩnh vực kinh tế, với hơn 50% dân số, phụ nữ tham gia vào hầu hết các ngành nghề, công việc, kể cả những lĩnh vực trước đây dường như chỉ dành cho nam giới như tin học, điện tử... Riêng ở các thành phố lớn, cụ thể là Hà Nội, cơ cấu lao động nữ theo ngành còn cho thấy lao động nữ chiếm tỉ lệ cao trong một số ngành như thương mại 71,3%; giáo dục đào tạo 71%; y tế 68%; du lịch 56,3%; tài chính tín dụng

⁽³⁾ Theo: Phạm Thị Thanh Hương. *Phát huy nguồn nhân lực nữ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Hà Nội hiện nay*, Luận văn cao học, Học viện CT-HCQGHC, Hà Nội, 2005, tr.41.

⁽⁴⁾ Lê Thị Quý. *Giáo trình xã hội học giới*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009, tr.223.

56%; ngân hàng 54%; công nghiệp chế biến 53,3%; dịch vụ công cộng 52%; thông tin viễn thông 52%... Hơn 41% số chủ cơ sở sản xuất - kinh doanh, hơn 25% chủ doanh nghiệp (năm 2008) là nữ⁽⁴⁾, một số chị là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn. Nhiều nữ doanh nhân được trao các giải thưởng Sao Vàng Đất Việt, Cúp Bông hồng vàng..., góp phần tăng nguồn thu ngân sách nhà nước và giải quyết việc làm cho lao động. Theo Báo cáo phát triển Việt Nam, nước ta “là một trong những nước có tỷ lệ phụ nữ tham gia kinh tế cao nhất trên thế giới (...) 83% nữ giới trong độ tuổi từ 15-60 tham gia vào lực lượng lao động trong năm 2002”⁽⁵⁾.

Với 50,2% tỷ trọng lao động trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, đội ngũ cán bộ nữ khoa học, phụ nữ nông dân đã có đóng góp lớn vào thành tựu sản xuất, phát triển kinh tế. Sự đóng góp của đội ngũ lao động nữ trên lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ cũng là động lực để phát triển kinh tế; nhiều chị em đã phấn đấu vươn lên, giữ nhiều cương vị chủ chốt trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Ngoài ra, quyền của phụ nữ về kinh tế đã được nâng lên thông qua việc pháp luật quy định phụ nữ cùng đứng tên với nam giới trong giấy chứng nhận quyền sở hữu đất đai, nhà ở và tài sản.

Về khoa học - công nghệ, đội ngũ nữ trí thức Việt Nam đã “có bước trưởng thành cả về số lượng và chất lượng với 36,64% trong khoa học tự nhiên; 43,42% trong lĩnh vực khoa học nông - lâm - thủy sản; 33% trong khoa học công nghệ; 38,27% trong khoa học xã hội và nhân văn. Trong các cơ sở nghiên cứu, đã có 6,3% cán bộ phụ trách là nữ; 10%

⁽⁵⁾ Viện CNXHKKH và Cơ quan phát triển quốc tế Canada. *Những vấn đề giới: từ lịch sử đến hiện đại*, Nxb Lý luận Chính trị, H.2007, tr.62.

đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước do phụ nữ làm chủ nhiệm. Từ năm 2007 – 2009, các nhà khoa học nữ đã chủ trì thành công gần 70 đề tài khoa học cấp nhà nước được ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả thiết thực”⁽⁶⁾. Ngày càng nhiều nhà khoa học nữ có các công trình nghiên cứu được nhận giải thưởng của Quỹ Hỗ trợ Sáng tạo khoa học kỹ thuật (VIFOTEC) của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam, Giải thưởng Kôvalépxkaia... Nhiều nhà khoa học nữ đã lập ra các hội nghề nghiệp, các câu lạc bộ, trung tâm nghiên cứu, tư vấn để tiếp tục phát huy trí tuệ, tài năng của mình đóng góp vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Trong lĩnh vực giáo dục, trình độ học vấn của nữ giới ngày càng cao. Số nữ tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân tăng theo từng năm, nhiều học sinh, sinh viên nữ đỗ thủ khoa, đạt giải cao trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế. Tỷ lệ nữ tốt nghiệp đại học là 36,24%; thạc sĩ 33,95%; tiến sĩ 25,69%. Phụ nữ chiếm ưu thế trong một số ngành như giáo dục, y tế, và dịch vụ (tính riêng ở Hà Nội, tỉ lệ phụ nữ làm việc trong ngành giáo dục thì có tới 100% giáo viên mẫu giáo, gần 80% giáo viên phổ thông cơ sở, hay trong ngành y tế có tới 80% y tá nữ)⁽⁷⁾. Trong công tác chuyên môn, phụ nữ chiếm số đông trong các bộ môn văn học, ngôn ngữ, y dược, khoa học

⁽⁶⁾ Theo: Nguyễn Thị Thanh Hòa. *Nâng cao vị thế của phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, T/c Cộng sản, số 816, 10/2010, <http://www.tapchicongsan.org.vn>.

⁽⁷⁾Theo: Phạm Thị Thanh Hương. *Phát huy nguồn nhân lực nữ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Hà Nội hiện nay*, Luận văn cao học, Học viện CT-HCQG HCM, Hà Nội, 2005, tr.41.

xã hội, khoa học tự nhiên và kinh tế. Nếu tính tổng số giờ làm việc của nữ giới (kể cả việc nhà và việc cơ quan) cao hơn rất nhiều so với nam giới.

Chính nhờ có sự thay đổi vị thế kinh tế của phụ nữ mà vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị cũng được nâng cao. Phụ nữ có cơ hội thực hiện quyền bình đẳng của mình thông qua việc tham gia ban hành các quyết định, xây dựng và thực thi pháp luật, chính sách, đáp ứng nhu cầu và lợi ích giới; được cử đại diện xứng đáng trong các cơ quan dân cử, cơ quan quản lý nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. “Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ đại biểu Quốc hội nữ cao nhất trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương (25,6%-2007)”⁽⁸⁾. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội trong 3 nhiệm kỳ gần đây đều đạt trên 25%. Việt Nam chúng ta tự hào vì nhiều nhiệm kỳ có phụ nữ giữ cương vị cao như Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội. Tỷ lệ nữ được kết nạp Đảng tăng hàng năm và đến nay chiếm gần 30%⁽⁹⁾. Các cơ quan dân cử ở địa phương có tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp tỉnh nhiệm kỳ 2004-2011 đạt 23,9%, cấp huyện là 23,01% và cấp xã là 19,5%⁽¹⁰⁾. Mặc dù so với yêu cầu thực tiễn, tỷ lệ này chưa cao nhưng phần nào đã chứng tỏ vai trò quan trọng của phụ nữ trong việc đảm nhận trọng trách trong cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

⁽⁸⁾ Viện CNXH KH và Cơ quan phát triển quốc tế Canada. *Những vấn đề giới: từ lịch sử đến hiện đại*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2007, tr.62.

⁽⁹⁾ Theo Nguyễn Thị Thanh Hòa - Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam, *Thực hiện bình đẳng giới, Phụ nữ Việt Nam tích cực tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước*, Tham luận tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

⁽¹⁰⁾ Quyết định số 2351/QĐ-TTg, *Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020*, ngày 24-12-2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tất cả những thành tựu này khẳng định vai trò to lớn của phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay, góp phần khẳng định các giá trị của người phụ nữ hiện đại năng động, tự tin, ngày càng chứng tỏ được vị thế, vai trò quan trọng của mình trong gia đình và trong xã hội. Đó là minh chứng cho sự nỗ lực không mệt mỏi, không ngừng nghỉ của phụ nữ Việt Nam trong việc hưởng ứng, thực hiện các chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta đối với phụ nữ, đưa vị thế xã hội của người phụ nữ lên một tầm cao mới. Có thể nói, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ. So với các quốc gia có cùng mức độ phát triển và thu nhập, Việt Nam có các chỉ số về bình đẳng giới khá cao: chỉ số Phát triển liên quan đến giới (GDI) của Việt Nam đứng thứ 80 trong số 136 quốc gia và trở thành quốc gia đạt sự thay đổi nhanh chóng nhất trong xóa bỏ khoảng cách giới trong vòng 20 năm trở lại đây ở khu vực Đông Nam Á⁽¹¹⁾.

Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa chất lượng lao động nữ đã tỏ ra nhiều bất cập. Phụ nữ cần tiếp tục nỗ lực phấn đấu, vượt qua những khó khăn, cản trở như trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp còn thấp; cơ hội có việc làm khó hơn so với nam giới; ở những vùng khó khăn, điều kiện sống và làm việc của phụ nữ chưa được bảo đảm; tâm lý tự ti vẫn còn ăn sâu trong một bộ phận phụ nữ vốn có thói quen sống an phận; tư tưởng định kiến giới trong xã hội, gia đình vẫn còn tồn tại dai dẳng, trở thành

⁽¹¹⁾ Viện CNXH KH và Cơ quan phát triển quốc tế Canada. *Những vấn đề giới: từ lịch sử đến hiện đại*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2007, tr.62.

lực cản đối với sự tiến bộ của nữ giới. Phụ nữ chiếm phần lớn trong tổng số người mù chữ, càng lên các cấp học cao thì tỉ lệ nữ càng giảm. Trình độ chuyên môn kỹ thuật của nữ cũng kém hơn. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, xu hướng lao động giản đơn giảm dần là một tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Nhưng điều đó lại gây ra sự bất lợi đối với lao động nữ, vốn yếu thế trong điều kiện cạnh tranh của thị trường lao động. Do vậy, khả năng thất nghiệp của phụ nữ cao hơn, phụ nữ chỉ chủ yếu tập trung ở các ngành có thu nhập thấp, kỹ thuật thô sơ và là khu vực sản xuất không phù hợp khi xã hội phát triển theo hướng hiện đại. Đây cũng là lý do khiến một số địa phương, đơn vị chưa thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc tạo điều kiện cho nữ giới phát huy vai trò, năng lực của mình.

Như vậy, có thể nói, trong xu thế hội nhập và phát triển của đất nước, đặc biệt trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phụ nữ Việt Nam tiếp tục phát huy và khẳng định vai trò, vị trí của mình đối với sự phát triển của xã hội. Khi nền kinh tế của chúng ta càng phát triển, phụ nữ càng có nhiều cơ hội hơn, từ đó, phá vỡ sự phân công lao động cứng nhắc theo giới, cho phép phụ nữ tham gia vào nền kinh tế thị trường và khiến nam giới phải chia sẻ trách nhiệm chăm sóc gia đình. Do vậy, có thể giảm nhẹ gánh nặng việc nhà cho phụ nữ, tạo cho họ nhiều thời gian nhàn rỗi hơn để tham gia vào các hoạt động khác. Đồng thời còn tạo ra nhiều cơ hội hơn cho phụ nữ trên thị trường lao động, v.v.. Trong thời đại mới, nhiều cơ hội mới đang mở ra cho sự phát triển của chị em, vì khoa học phục vụ họ, tạo cho họ nhiều việc làm phù hợp, có năng suất cao, từ đó nâng cao vị thế của họ. Thế giới đã đưa ra nhận xét